

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONSKY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ONSKY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ONSKY TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ONSKY JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110473827

3. Ngày thành lập: 12/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 70 ngõ Hoàng An, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 084 2555 687

Fax:

Email: Phuongthanh.emos@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); - Bán buôn xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4511
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn mô tô, xe máy; - Bán lẻ mô tô, xe máy; (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
5.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4610
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hoạt động hợp báo)	8230
19.	Dịch vụ đóng gói	8292
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
21.	Đào tạo sơ cấp	8531
22.	Đào tạo trung cấp	8532
23.	Đào tạo cao đẳng	8533
24.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
26.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
27.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
28.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
29.	Lập trình máy vi tính	6201
30.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Cổng thông tin	6312
34.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí (Luật báo chí))	6399
35.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển: Công nghệ sản xuất Robot; Công nghệ thiết bị bay không người lái; Công nghệ thiết bị năng lượng Hydro; Công nghệ thiết bị Nano; Công nghệ trí tuệ nhân tạo; Công nghệ hệ thống lọc nước; Công nghệ hệ thống tải điện không dây; Công nghệ phát triển vật liệu mới. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin.	7212(Chính)

38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thiết bị y tế.	7213
39.	Quảng cáo	7310
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
42.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	In ấn	1811
45.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
46.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
47.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
48.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
49.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp Chi tiết: - Sản xuất máy kéo dùng cho nông nghiệp và lâm nghiệp; - Sản xuất máy kéo bộ (điều khiển bộ); - Sản xuất máy gặt, máy xén cỏ; - Sản xuất xe moóc nông nghiệp tự bốc dỡ hoặc bán moóc; - Sản xuất máy nông nghiệp dùng để phục vụ gieo trồng hoặc keo dính kết như: Máy cày, máy rắc phân, hạt, bừa...; - Sản xuất máy gặt hoặc máy đập như: Máy gặt, máy đập, máy sàng...; - Sản xuất máy đa năng trong nông nghiệp như: Máy giữ gia cầm, máy giữ ong, thiết bị cho chuồng bị cỏ khô... Sản xuất máy cho việc làm sạch, phân loại trứng, hoa quả...; - Sản xuất máy vắt sữa; - Sản xuất máy phun cho nông nghiệp;	2821
51.	Sản xuất máy luyện kim Chi tiết: - Sản xuất máy và thiết bị vận chuyển kim loại nóng; - Lò chuyển, đúc thổi; - Sản xuất máy nghiền cuộn kim loại.	2823

52.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: - Sản xuất thang máy và băng tải sử dụng dưới đất; - Sản xuất máy khoan, cắt, thụt, đào (có hoặc không sử dụng dưới lòng đất); - Sản xuất máy xử lý khoáng chất bằng việc soi, phân loại, rửa, nghiền...; - Sản xuất máy trộn bê tông và vữa; - Sản xuất máy đóng, máy ép cọc, máy trải vữa, trải nhựa đường, máy rải bê tông...; - Sản xuất máy kéo đặt đường ray và máy kéo được sử dụng trong xây dựng hoặc khai thác; - Sản xuất lưỡi máy ủi hoặc lưỡi máy ủi đất góc; - Sản xuất xe đẩy	2824
53.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
55.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
56.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
57.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics (Nghị định 163/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ logistics); - Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; (loại trừ dịch vụ hỗ trợ hàng không)	5229
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
63.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
65.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
66.	Hoạt động hậu kỳ	5912
67.	Hoạt động viễn thông khác	6190

68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
69.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan (Khoản 18 Điều 1 Nghị định 89/2019/NĐ-CP)	3030
70.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
71.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
72.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất mẫu (thử nghiệm) và sản xuất thiết bị bay không người lái. - Sản xuất mẫu (thử nghiệm) và sản xuất Robot.	3290
73.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
75.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt; - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi; - Sửa chữa và bảo dưỡng các role và bộ điều khiển công nghiệp; - Sửa chữa và bảo dưỡng pin và ắc quy; - Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện. - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng.	3314
76.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

77.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện động cơ không tự động; - Sửa chữa và bảo dưỡng các dụng cụ và phụ tùng máy móc cắt kim loại và tạo hình kim loại; - Sửa chữa máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; - Sửa chữa và bảo dưỡng máy là hàng dệt, quần áo và da - Sửa chữa và bảo dưỡng máy làm giấy; - Sửa chữa máy tính có dòng điện hoặc không dòng điện; - Sửa chữa máy chữ;	3320
78.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: - Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng như Dây dẫn và thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, Hệ thống báo động chống trộm,...	4321
79.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
80.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
84.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
85.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim chỉ, vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THIÊN NGỌC	313 B6 TT Trung Tự, Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	30,000	0250840006 71	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	30,000		
2	PHẠM PHƯƠNG THANH	313 B6 TT Trung Tự, Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	30,000	0011870082 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	30,000		

3	TRẦN QUANG TRUNG	Số 70 ngõ Hoàng An , Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.000	40.000.000	40,000	001097011243
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.000	40.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUANG TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/07/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001097011243

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 70 ngõ Hoàng An, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 70 ngõ Hoàng An, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội